

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2019

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cúc

2. Bà Hoàng Thị Thiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Tú – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 278/2019/TLST-HNGĐ ngày 02-5-2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXX-ST ngày 18-6-2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24-6-2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Phùng Thị Bích L;** sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú tại: nhà D phố S, phường B, quận H, thành phố Hà Nội; Nơi ở: thôn P, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội; *Có mặt tại phiên tòa.*

- Bị đơn: **Anh Lê Việt H;** sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú và nơi ở tại: nhà D phố S, phường B, quận H, thành phố Hà Nội; *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn xin ly hôn, các Bản tự khai, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn là chị Phùng Thị Bích L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Việt H đăng ký kết hôn ngày 03/8/2009 tại UBND phường T, quận Đ, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Trước khi kết hôn cả hai đều chưa có vợ hoặc chồng. Sau khi kết hôn,

anh chị chung sống cùng nhà với ông bà nội của anh H tại địa chỉ: nhà D phố S, phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

Anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về quan điểm, cách sống. Anh H thường áp đặt quan điểm của mình đối với chị, không muốn cho mẹ con chị giao tiếp với bên ngoài, bắt mẹ con chị phải ở trong nhà nên điều đó ảnh hưởng đến tâm lý của hai mẹ con chị, biểu hiện như cháu L khi mới cho đi lớp nhút nhát, khó hoà nhập với bạn bè, bản thân chị sinh ra buồn chán, trầm cảm.

Đến tháng 11/2014, do không chịu đựng được nên chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội sinh sống từ đó đến nay, còn anh H vẫn ở cùng với ông bà nội anh ấy. Từ khi chị đưa con về Q, anh chị không còn quan tâm, chia sẻ hay liên lạc gì với nhau. Chị phải tự đi làm kiếm tiền nuôi con ăn học và nhờ ông bà ngoại giúp đỡ hai mẹ con. Anh H không đến thăm mẹ con chị lần nào. thỉnh thoảng chị có đưa cháu về thăm ông bà nội anh H nhưng anh H cũng không quan tâm, hỏi han gì đến mẹ con chị.

Nay chị thấy anh chị sống ly thân nhiều năm nay, không còn tình cảm gì với nhau, anh H không có trách nhiệm gì với mẹ con chị nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Việt H để ổn định tư tưởng và cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Lê Bảo L; sinh ngày 26/3/2010. Hiện nay cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nhà đất chung: Chị xác định anh chị không có tài sản chung, nhà đất chung và chị không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

- Về vay nợ chung: Chị xác định anh chị không có vay nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn là anh Lê Việt H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của chị L, không đến Tòa án để làm bản tự khai, không gửi tài liệu, chứng cứ, không có yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Phùng Thị Bích L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên và đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh H và giao cháu L cho chị trực tiếp nuôi cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ

án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án và không có ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

** Về việc giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Đ, Hà Nội năm 2009, do đó hôn nhân là hợp pháp. Sau kết hôn, anh chị sống tại nhà D phố S, phường B, quận H, thành phố Hà Nội cùng ông bà nội anh H. Đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng không hợp nhau về quan điểm và cách sống. Anh H thường áp đặt quan điểm sống, không muốn mẹ con chị L ra ngoài, giao tiếp với bên ngoài khiến mẹ con chị bị ảnh hưởng tâm lý. Anh chị sống ly thân từ cuối năm 2014 đến nay. Thịnh thoảng chị L có đưa con về thăm ông bà nội nhưng anh H không hỏi thăm, không có trách nhiệm gì với con. Như vậy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, tốt đẹp đã không thể đạt được, tình cảm hôn nhân không còn, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Lê Bảo L, sinh năm 2010, hiện đang sống với chị L. Khi ly hôn, chị L nguyện vọng được nuôi con chung, cháu L cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi tốt nhất về vật chất cũng như sự ổn định về tâm lý cho con nên đề nghị giao cháu L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản và vay nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 10/01/2019, chị Phùng Thị Bích L có Đơn xin ly hôn đối với anh Lê Việt H, có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại: nhà D phố S, phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn giữa chị Phùng Thị Bích L và Lê Việt H là đúng thẩm quyền.

Theo biên bản xác minh về tình trạng cư trú của anh Lê Việt H tại Công an phường B thể hiện: Anh Lê Việt H có hộ khẩu thường trú tại: nhà D phố S, phường B, quận H, thành phố Hà Nội và hiện nay anh vẫn cư trú, ăn ở, sinh sống tại địa chỉ trên cùng với ông bà nội của mình là ông Lê Việt C và bà Nguyễn Thị

Kim L1. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H tại địa chỉ trên. Tại phiên toà hôm nay, anh Lê Việt H vắng mặt lần thứ hai, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân, thấy:

Chị Phùng Thị Bích L và anh Lê Việt H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 03/8/2009 tại UBND phường T, quận Đ, Hà Nội, nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau kết hôn, anh chị sống tại nhà D phố S, phường B, quận H, thành phố Hà Nội cùng ông bà nội anh H. Đến năm 2013, anh chị nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị L cho rằng anh H thường áp đặt quan điểm của mình đối với chị, bắt mẹ con chị phải ở trong nhà, không cho giao tiếp với bên ngoài, nên điều đó ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần của hai mẹ con chị. Chị sinh ra buồn chán trầm cảm, con chị khi đi học nhút nhát, khó hoà nhập với bạn bè. Từ năm 2014 đến nay, chị L và con về nhà bố mẹ đẻ chị ở Q ở, anh chị không còn quan tâm liên lạc gì với nhau. Chị L một mình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con nhỏ. Khi Toà án giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim L1 – là bà nội của anh H đã có ý kiến với Toà án xác nhận mâu thuẫn của anh H và chị L đúng như chị L trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H tại địa chỉ anh cư trú, tuy nhiên anh H không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của chị L, không đến Tòa án để làm bản tự khai, không gửi tài liệu, chứng cứ, không có yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

Theo Biên bản xác minh ngày 03-6-2019, Tổ trưởng Tổ dân phố 14B phường B - nơi anh H và chị L từng chung sống và hiện anh H đang cư trú đã cung cấp: Anh H hiện đang ở cùng với ông bà nội tại nhà D phố S, phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Anh H và chị L có đăng ký kết hôn, tổ chức đám cưới nhưng hiện đã ly thân nhiều năm nay. Mâu thuẫn như thế nào Tổ dân phố không nắm được nhưng anh chị không sống chung với nhau. Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Bảo L, hiện tại đang do chị L nuôi dưỡng. Chị L và con ở nhà bố mẹ đẻ của chị ở huyện Q, thỉnh thoảng thấy chị có đưa cháu về chơi với ông bà nội của anh H rồi lại đi. Anh H là người sống khép kín, ít giao tiếp.

Theo Biên bản xác minh ngày 28-5-2019, Trưởng thôn P, xã Đ, huyện Q- nơi mẹ con chị L đang sinh sống cung cấp: Chị L và anh H có đăng ký kết hôn và tổ chức đám cưới năm 2009. Sau khi cưới chị L về nhà chồng ở ngoài Hà Nội sinh sống. Đến khoảng năm 2014, thấy chị L đưa con trai (tên là Lê Bảo L) về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P sinh sống nhưng không thấy anh H về sống cùng hai mẹ con. Chị L tự nuôi con một mình với sự hỗ trợ giúp đỡ của gia đình nhà ngoại. Gia đình chị L có xây cho mẹ con chị L một gian nhà khoảng 15m² để sinh sống. Hằng ngày chị L vẫn đi làm kiếm tiền nuôi con. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị thôn không biết, chỉ thấy anh chị sống ly thân nhiều năm nay, anh H không quan tâm đến mẹ con chị.

Như vậy, chị L và anh H kết hôn năm 2009. Đến năm 2013 thì anh chị nảy sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng không hợp nhau về quan điểm và cách sống. Anh H thường áp đặt quan điểm sống, không muốn mẹ con chị L ra ngoài, giao tiếp với bên ngoài khiến mẹ con chị bị ảnh hưởng đến tinh thần, tâm lí. Đến năm 2014, chị L đưa con trai về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã Đ, huyện Q, Hà Nội sống từ đó đến nay. Chị L một mình nuôi con, anh H không có trách nhiệm gì với hai mẹ con chị. Mặc dù thỉnh thoảng chị L có cho con về chơi với ông bà nội của anh H nhưng anh H cũng không quan tâm đến hai mẹ con chị.

Xét thấy, chị L và anh H đã không còn chung sống từ tháng 11- 2014, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh H không đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, không tham gia phiên hòa giải, phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến Tòa án xem xét, thể hiện anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, giải quyết cho chị L được ly hôn anh H.

[3] *Về con chung*: Chị L và anh H có một con chung là cháu Lê Bảo L, sinh ngày 26-3-2010. Hiện cháu sức khỏe bình thường và đang ở với chị. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Tính đến thời điểm xét xử, cháu L đã được hơn 9 tuổi, đang học tại trường Tiểu học A, xã P, huyện Q, cháu có văn bản trình bày nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Chị L hiện đang làm việc tại Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ L, có thu nhập ổn định hàng tháng là 15.000.000 đồng (có xác nhận của Công ty). Xét thấy, việc giao cháu L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị L, anh H ly hôn sẽ bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của cháu, nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án giao cháu Lê Bảo L cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 07/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu và anh H không có ý kiến, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi chị L có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

[4] *Về tài sản chung, nhà ở chung, vay nợ chung*: Chị L không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chị L là nguyên đơn, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị Bích L đối với anh Lê Việt H. Chị Phùng Thị Bích L được ly hôn anh Lê Việt H.

2. Về con chung:

- Chị Phùng Thị Bích L và anh Lê Việt H có một con chung là cháu Lê Bảo L, sinh ngày 26-3-2010.

- Giao cháu Lê Bảo L cho chị Phùng Thị Bích L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 07 năm 2019 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lê Việt H cho đến khi chị Phùng Thị Bích L có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

- Anh Lê Việt H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Chị Phùng Thị Bích L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị Bích L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0002330 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt chị L, vắng mặt anh H. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường T, quận Đ (số 112/2009, quyền số 01/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Thủy